

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 08 - 6 - 2022

“ *V/v ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mút

2. Ông Lương Phi Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Khâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự;

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trương Bích H, sinh năm 1962 – có đơn xin vắng mặt

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1958 – có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: số 114, đường DB, Khóm 1, phường CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2022 nguyên đơn bà Trương Bích H trình bày yêu cầu:* Chị và ông Nguyễn Thanh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 1 năm 1981, hai bên do quen biết trước được cha mẹ hai bên đồng ý không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chúng tôi đi làm và sinh sống tại phường CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì tôi phát hiện ông T có nhiều gian dối, chiếm dụng tiền bạc của tôi để tiêu sài cá nhân

không rõ ràng khi tôi giao ông quản lý tiệm cầm đồ thì ông chiếm dụng tiền vốn của bà rất nhiều. Ngoài ra ông T còn có hành vi bạo hành gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, tôi phải đứng ra trả nợ nhiều lần, từ đó chúng tôi mâu thuẫn thêm nhiều.

Quá trình sống chung có 02 đứa con là: Nguyễn Hoàng Như TH, sinh ngày 18/11/1986 và Nguyễn Hoàng Duy K, sinh năm 1991, hiện đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nay bà Trương Thị Bích H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Về con chung: các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn xin vắng tại phiên Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc, bà Trương Bích H và ông Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với pháp luật. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Xét mối quan hệ gia đình giữa bà Trương Bích H và ông Nguyễn Thanh T có tổ chức lễ cưới vào đầu năm 1981, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân của ông, bà được xác lập trước ngày 03/01/1987; Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì đây là hôn nhân thực tế.

Trong quá trình sống chung giữa bà, ông thường xuyên mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên không thể trở về, vợ chồng đã sống ly thân. Từ đó cho thấy mâu thuẫn

vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trương Bích H. Cho bà Trương Bích H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

[4] Về con chung: Có 02 đứa con là: Nguyễn Hoàng Như T, sinh ngày 18/11/1986 và Nguyễn Hoàng Duy K, sinh năm 1991, hiện đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, tự thỏa thuận.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Bích H phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012557, ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên bà Hương không phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 19; 53; 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trương Bích H

Cho bà Trương Bích H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2/ Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Hoàng Như T, sinh ngày 18/11/1986 và Nguyễn Hoàng Duy K, sinh năm 1991, hiện đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4/ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Bích H phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012557, ngày

14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên bà không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn bà Trương Bích H, bị đơn ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- UBND phường Cài Vồn;
- Dương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Trương Minh Thiết